

Số: 46/TB-HĐT&ĐT/DLS

Cà Mau, ngày 13 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Ban hành Tài liệu “Hướng dẫn cách pha tiêm một số loại kháng sinh thường sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Cà Mau năm 2026”

Kính gửi: - Phòng Kế hoạch tổng hợp;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Các khoa lâm sàng.

Căn cứ theo Nghị định 131/2020/NĐ-CP ngày 02/11/2020 của Chính phủ quy định về việc “Quy định về tổ chức, hoạt động được lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”;

Căn cứ Quyết định số 5631/QĐ-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Tài liệu hướng dẫn thực hiện quản lý sử dụng kháng sinh trong bệnh viện”;

Nhằm giúp cho việc cung cấp thông tin sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả cho cán bộ y tế góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Bộ phận Dược lâm sàng và Thông tin thuốc thông báo đến các khoa/ phòng tài liệu “Hướng dẫn cách pha tiêm một số loại kháng sinh thường sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Cà Mau năm 2026”.

Trân trọng!

TM.HĐT&ĐT
CHỦ TỊCH



Trần Hoán Toàn

TRƯỞNG KHOA DƯỢC

ĐS. CKII. VÕ MINH TRƯỜNG

BỘ PHẬN DLS&TTT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.



(Nội dung đính kèm theo mã QR)

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA TIÊM MỘT SỐ LOẠI KHÁNG SINH THƯỜNG SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU NĂM 2026

(Cập nhật đến ngày 12 tháng 10 năm 2026)

Người thực hiện: DSCKII. Hồ Trần Anh Khoa

DS. Trần Ngọc Bảo Trân

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
1	Amoxicilin 1g + Acid clavulanic 200mg	Axuka; Bột pha tiêm		Hòa tan 1,2 g Axuka/ NCPT => DD sau hòa tan khoảng 20,9 ml để dùng 1 lần. [1], [2], [3]	3-4 phút [1],[2], [3]	Hòa tan 1,2 g Axuka/ NCPT. Thêm ngay lập tức dd đã hòa tan vào 100ml dịch truyền tương hợp [2], [3].	30-40 phút [1],[2],[3]	NCPT, NaCl 0,9%, dd Ringer. [1],[2]	- Axuka là sản phẩm chỉ sử dụng một lần duy nhất, loại bỏ bất kỳ phần dung dịch sau khi pha nào chưa được sử dụng. - Chỉ sử dụng dung dịch trong suốt và không có các phần tử lạ. - Trong quá trình hòa tan, dd có thể tạm thời chuyển sang màu hồng. DD sau khi hòa tan thường không có màu hoặc có màu vàng. - DD sau khi pha phải được dùng ngay. [3]
2		Claminat 1,2g; Bột pha tiêm		Hòa tan 1,2g/ 20ml NCPT. Khi pha có thể thấy dd có màu hồng thoáng qua, sau đó chuyển sang vàng nhạt hoặc hơi có ánh trắng sữa. Có thể tiêm trực tiếp vào tĩnh mạch hoặc qua ống nhỏ giọt [1], [2].		Hòa tan 1,2g/ 20ml NCPT hoặc NaCl 0,9%. Sau đó tiếp tục pha loãng với 100ml dung môi pha tiêm tương hợp [1], [3].			- Các dd tiêm TM, truyền TM nên được sử dụng ngay sau khi pha. Dd thuốc sau khi pha phải trong suốt và không có tiểu phân lạ, cần kiểm tra bằng mắt trước khi tiêm. - Thuốc chỉ dùng 1 lần, dd còn thừa phải được loại bỏ. - Có thể sử dụng DD Claminat 1,2g dùng tiêm TM trong vòng 15 phút sau khi pha và truyền TM trong vòng 60 phút sau khi pha. - Không pha thuốc chung với dd chứa glucose, Natri bicarbonat, dextran. - Không trộn thuốc trong cùng 1 bơm tiêm hoặc bình tiêm truyền với các thuốc khác, như corticoid hoặc aminglycosid [3].
3		Augbidil; Bột pha tiêm			Tiêm chậm 3 phút [2]		30 phút [2]		

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
4	Ampicilin 1g + Sulbactam 0,5 g	Nerusyn 1,5g; Bột pha tiêm	Hòa tan 1,5g/ 3,2 ml NCPT hoặc lidocaine HCl 0.5% hay 2% [1], [2], [3].	Hòa tan 1,5g/ 3,2ml NCPT [2], [3].	3 phút [2]	Hòa tan 1.5g/3.2 ml (hoặc 3g/6,4ml) NCPT. Pha loãng trong 50-100ml dung môi tương hợp thành dung dịch thuốc có nồng độ 3 - 45 mg/mL [1], [2].	15 – 30 phút [1], [3].	NaCl 0.9% Ringer lactat, dextrose 5% [1], [3].	- DD sau khi pha phải dùng ngay. - Sau khi hoàn nguyên, dd thuốc có màu vàng nhạt. Dd sau pha xong không được có tiểu phân nhìn thấy bằng mắt thường, không bị kết tủa. - Thuốc chỉ dùng 1 lần, dd thuốc còn thừa phải được loại bỏ. - DD để tiêm bắp nên được sử dụng trong vòng 1h sau khi pha [1]. - Để đảm bảo thuốc tan hoàn toàn, nên để yên cho bột của dung dịch mất hẳn và kiểm tra bằng mắt [1], [2]. Chú ý: không được trộn chung trong cùng một bơm tiêm hoặc vật chứa với chế phẩm máu, aminoglycosid và protein [3].
5		Nerusyn 3g; Bột pha tiêm	Hòa tan 3g/6,4 ml NCPT hoặc lidocaine HCl 0.5% hay 2% [1], [2], [3].	Hòa tan 3g/6,4ml NCPT [2], [3].	10 – 15 phút [1], [2], [3].				
6	Cefamandol 2g	Cefamandol 2g; Bột pha tiêm	Hòa tan mỗi 1g/3ml NCPT hoặc NaCl 0,9%. Lắc kỹ để hòa tan [2].	Hòa tan mỗi 1g/10ml NCPT hoặc Dextrose 5% hoặc NaCl 0,9% [2], [3].	3 – 5 phút [1], [2].	Hòa tan mỗi 1g/10ml NCPT. Sau đó pha loãng với dung môi tương hợp [3].	Truyền TM liên tục hoặc ngắt quãng [1], [3].	NaCl 0,9%; Dextrose 5%; Dextrose 10% [2], [3].	- DD sau khi pha phải dùng ngay. Thuốc chỉ dùng 1 lần, dd còn thừa phải được loại bỏ. - DD thuốc sau khi pha không được có tiểu phân nhìn thấy bằng mắt thường, không bị kết tủa. - Độ ổn định lý hóa của dd cefamandol TB (nồng độ 1g/3ml) là 24 giờ ở nhiệt độ phòng (25°C) và 24 giờ nếu bảo quản tủ lạnh (5°C). - Độ ổn định lý hóa của dd cefamandol tiêm TM (nồng độ 1g/10ml) là 12 giờ ở nhiệt độ phòng (25°C) và 24 giờ nếu bảo quản tủ lạnh (5°C). - Độ ổn định lý hóa của dd cefamandol truyền TM (nồng độ 1g/110ml) là 12 giờ ở nhiệt độ phòng (25°C) và 24 giờ nếu bảo quản tủ lạnh (5°C).

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
7		Vicimadol 2g; Bột pha tiêm	Hòa tan 2g/6ml NCPT hoặc NaCl 0,9% hoặc Lidocain 1% [2]	Hòa tan 2g/20ml NCPT hoặc NaCl 0,9% hoặc Dextrose 5% [2]		Hòa tan 2g/20ml NCPT. Pha tiếp 100ml dung môi tương hợp [2]			Dd đã pha được bảo quản trong ít nhất 24h điều kiện ở nhiệt độ phòng 25°C hoặc 96 giờ ở nhiệt độ 5°C.
8	Cefepim 2g	Pimefast 2000; Bột pha tiêm	Hòa tan mỗi 1g/2,4ml với dung môi * <i>Dung môi:</i> <i>NCPT hoặc</i> <i>NaCl 0,9%,</i> <i>Dextrose 5%</i> <i>Lidocain</i> <i>0,5% hoặc</i> <i>1% [1], [2]</i>	Hòa tan 2g/10ml với dung môi [2]	3-5 phút [1], [2]	Hòa tan 2g/10ml với dung môi tương hợp. Sau đó pha loãng 50- 100ml dung môi tương hợp [2].	30 phút [1], [2]	NCPT hoặc NaCl 0,9% hoặc Dextrose 5% hoặc Lidocain 0,5% hoặc 1% [2]	Các dd này có thể được bảo quản trong 24 giờ ở nhiệt độ 20°C đến 25°C hoặc 7 ngày trong tủ lạnh 2°C - 8°C [2].
9	Ceftriaxone 1g	Ceftriaxone 1g; Bột pha tiêm	Hòa tan 1g/3,5ml lidocain 1% [2],[3].	Hòa tan 1g/10ml NCPT [2], [3].	2-4 phút [1], [2], [3]	Hòa tan: 2g/ 40ml với dung môi tương hợp Pha loãng: 50- 100ml dung môi tương hợp [1], [2]. * Không được hòa tan Ceftriaxon với dd chứa calci (Ringer lactat, dd Hartmann). Không truyền liên tục đồng thời với dd chứa calci ngay cả khi dùng dây truyền riêng ở khác vị trí ở mọi lứa tuổi [1], [2]	Ít nhất 30 phút [1], [2], [3].	NaCl 0,9%, Dextrose 5% hoặc 10% [1], [2].	- Liều tiêm TM >1g chỉ nên tiêm TTM. Khi tiêm bắp liều >1g phải tiêm ở nhiều vị trí. [1], [2], [3] - Không được tiêm TM dung dịch có lidoacain. - DD thuốc sau khi pha nên sử dụng ngay. DD thuốc pha ra giữ được tính ổn định lý hóa trong vòng 6 giờ ở nhiệt độ phòng (hoặc 24h ở nhiệt độ 2-8°C). DD thuốc có màu từ vàng nhạt tới màu hổ phách [2].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
10	Cefoperazon 1g, 2g	Unsefera 1 G	Hòa tan 1g/2,6ml (<i>nồng độ 333mg/ml</i>) hoặc 1g/3,8ml (<i>nồng độ 250mg/ml</i>) trong dung môi thích hợp. Lắc mạnh cho tan hoàn toàn. <i>*DD tiêm bắp có nồng độ trên 250 mg/ml nên pha thêm lidocain 2% [2].</i>	Hòa tan 1g/2,8ml dung môi hoặc 1g/5ml dung môi. <i>*Dung môi: NCPT hoặc NaCl 0,9% hoặc Dextrose 5% [1], [2].</i>	3-5 phút [2]	Hòa tan 1g/2,8ml dung môi hoặc 1g/5ml dung môi [2] Toàn bộ lượng dd thu được pha loãng thêm 20 – 40ml với cùng dung môi [1].	Truyền TM không liên tục 15-30 phút hoặc truyền TM liên tục [1], [2]	NCPT, NaCl 0,9% [2]	-Cách pha với lidocain 2%: Hòa tan 1g/2ml (<i>nồng độ 333mg/ml</i>) hoặc 1g/2,8ml (<i>nồng độ 250mg/ml</i>) với dung môi tương hợp . DD thu được pha tiếp với lidocain 2% 0,6ml (<i>nồng độ 333mg/ml</i>) hoặc 1ml (<i>nồng độ 250mg/ml</i>). - DD sau khi pha giữ được hoạt tính trong thời gian 24h ở nhiệt độ phòng và điều kiện bảo quản lạnh 2-8°C. - Khi hòa tan cefoperazon ở nồng độ vượt quá 333 mg/ml cần phải lắc mạnh và lâu [2].
11		Cefoperazone 2g	Hòa tan 2g/7,2ml (<i>nồng độ 250mg/ml</i>) trong dung môi thích hợp [1], [2]. <i>*DD tiêm bắp có nồng độ trên 250mg/ml nên pha với dd tiêm lidocain hydroclorid 0,5% [1], [2]</i>	Hòa tan 2g/10ml dung môi tương hợp. Sau đó pha loãng tiếp tục để nồng độ cuối cùng đạt 100mg/ml [2].		Hòa tan 2g/10ml dung môi thích hợp. Sau đó pha loãng tiếp trong 20-40ml dung môi [1], [2].	Truyền TM gián đoạn 15 – 60 phút hoặc truyền TM liên tục [2]	NCPT hoặc NaCl 0,9% hoặc Dextrose 5%, 10% [1], [3].	- DD sau khi pha phải dùng ngay. - Khi hòa tan cefoperazon ở nồng độ vượt quá 333 mg/ml cần phải lắc mạnh và lâu. - Độ ổn định lý hóa của dd cefoperazon truyền TM là 24h ở nhiệt độ phòng và điều kiện bảo quản lạnh 2-8°C. - Thuốc chỉ dùng 1 lần. DD còn thừa sau khi sử dụng phải được loại bỏ. - DD thuốc sau khi pha không được có tiểu phân nhìn thấy bằng mắt thường, không bị tủa [2].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
12	Cefoperazon 1g + Sulbactam 0,5g; 1g	Bacsulfo 1g/1g; Bột pha tiêm		Hòa tan Bacsulfo 1g/1g trong 6,7ml dung môi thích hợp, lắc mạnh đến khi tan hoàn toàn [2]. * <i>Dung môi: NCPT hoặc NaCl 0,9% hoặc Dextrose 5%.</i>	Tối thiểu 3 phút [2].	Hòa tan Bacsulfo 1g/1g trong 6,7ml dung môi thích hợp, lắc mạnh đến khi tan hoàn toàn. Pha loãng tiếp trong 20ml với cùng dung môi [2].	Truyền chậm 15- 60 phút [2].	NCPT, NaCl 0,9%, Dextrose 5% [2].	- Dd sau khi pha phải dùng ngay để ngăn ngừa nguy cơ nhiễm khuẩn. - Độ ổn định của dd là 4 giờ ở nhiệt độ phòng (25°C). - Dd thuốc sau khi pha từ không màu đến vàng, không được có tiểu phân nhìn thấy bằng mắt thường, không bị kết tủa. - Thuốc chỉ dùng 1 lần. Dd còn thừa phải được loại bỏ [2].
13		Bacsulfo 1g/0.5g; Bột pha tiêm		Hòa tan Bacsulfo 1g/0.5g trong 3,2 ml dung môi thích hợp, lắc mạnh đến khi tan hoàn toàn [2]. * <i>Dung môi: NCPT hoặc NaCl 0,9% hoặc Dextrose 5%.</i>		Hòa tan Bacsulfo 1g/0.5g trong 3,2 ml dung môi thích hợp, lắc mạnh đến khi tan hoàn toàn. Pha loãng tiếp trong 20ml với cùng dung môi [2].			
14	Ceftizoxim 2g	Zasemer 2g; Bột pha tiêm	Hòa tan 1g- 2g/3-6ml NCPT [2].	Hòa tan 1g-2g/ 10- 20ml NCPT, lắc đều [2].	Tiêm chậm 3-5 phút, [2].	Hòa tan 1g-2g/ 10-20ml NCPT Pha loãng 50 - 100ml dung môi tương hợp [3].		NaCl 0,9%; Dextrose 5%, 10%, Ringer Lactat [3].	DD đã pha ổn định trong vòng 24h ở nhiệt độ phòng và 96 giờ trong tủ lạnh (nhiệt độ dưới 5°C) [2]
15		Zoximcef 2g; Bột pha tiêm							Sử dụng ngay sau khi pha [2]
16	Ceftazidim 1g	TV-Zidim 1g; Bột pha tiêm	<i>Tiêm bắp sâu</i> Hòa tan 1g/3ml NCPT hoặc Lidocain 0,5% hoặc 1%, có nồng độ khoảng 280mg/ml.	Hòa tan 1g/10ml dung môi có nồng độ khoảng 100mg/ml * <i>Dung môi: NCPT, NaCl 0,9%, Dextrose 5% [2].</i>	3-5 phút [2]	Hòa tan 1g/50ml dung môi, có nồng độ khoảng 20mg/ml [2]	30 phút [2]	NCPT, NaCl 0,9%, Dextrose 5% [2]	DD sau pha bảo quản ở nhiệt độ 20- 25°C và phải sử dụng trong vòng 12 giờ sau khi pha.

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
17	Ertapenem 1g	Ertapenem VCP; Bột pha tiêm.	Hòa tan 1g/3.2ml dd pha tiêm lidocain HCl 1% (không chứa epinephrin). Lắc kỹ để thuốc tan hoàn toàn → tiêm bắp sâu vào các vùng cơ lớn (cơ mông hoặc phần bên đùi) [1], [3].			Hòa tan 1g/10ml NCPT hoặc dung dịch NaCl 0,9% pha tiêm, lắc kỹ. Pha loãng với 50ml dung dịch NaCl 0,9% [1], [2].	30 phút [1], [3].	NCPT, NaCl 0.9% [3].	- DD tiêm bắp ổn định trong vòng 1 giờ sau khi pha [1], [2]. - DD truyền TM cần được tiến hành truyền trong vòng 6 giờ sau khi pha [1], [3]. - Các dd sau khi pha loãng nên được sử dụng ngay. Nếu không dùng ngay, DD thuốc có thể bảo quản trong 6 giờ ở nhiệt độ phòng (25°C) và 24 giờ ở 2-8 °C trong tủ lạnh. DD nên sử dụng trong vòng 4 giờ sau khi lấy ra khỏi tủ lạnh. Không để đông dung dịch sau pha [1], [3]. - Không trộn hoặc truyền chung Ertapenem với thuốc khác [2].
18	Doripenem 500 mg	Vicidori 500mg; Bột pha tiêm				Hòa tan 500mg/10ml NCPT hoặc dd NaCl 0,9%. Dùng bơm kim tiêm sạch hút toàn bộ dd thuốc cho vào 100ml dung môi, lắc nhẹ tới khi trong suốt [2].		NaCl 0,9% hoặc Dextrose 5% [2]	Kiểm tra dd vừa pha có thấy vật lạ trong đó không, không được tiêm truyền trực tiếp dd thuốc vừa pha [2].
19	Imipenem 500mg + cilastatin 500mg	Raxadin; Bột pha tiêm				Hòa tan trong 10ml dung môi. Lắc kỹ và chuyển hỗn dịch thu được vào chai dịch truyền. Thêm tiếp 10ml dd tiêm truyền để đảm bảo đã chuyển hết thuốc có trong lọ vào dd tiêm truyền. Lắc đều dd tiêm	20 – 30 phút (Liều < 500mg) 40 – 60 phút (Liều > 500mg) [1]	NaCl 0,9%, Dextrose 5%, 10%, Manitol 2,5%, 5% và 10% [2].	- DD pha loãng thay đổi từ không màu đến vàng. - DD sau khi pha bảo quản trong 3h ở nhiệt độ phòng và 24h trong tủ lạnh (2-8°C)/ - DD sau khi pha không nên đông lạnh. - Không nên trộn lẫn hoặc thêm vào các kháng sinh khác [2]. - Không nên pha trong dd pha loãng có chứa lactate [2]
20		Cepemid 1g; Bột pha tiêm							

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
						truyền đến khi thu được dd trong suốt. Pha loãng đến 100ml dung môi tương hợp, nồng độ cuối cùng không quá 5mg/ml [2].			
21	Amikacin 500mg/2ml	Acheron 500mg/2ml; Dung dịch tiêm	Dùng trực tiếp [1], [2]	Dùng trực tiếp [2]	2-3 phút [2], [3].	Pha loãng dd chứa 500mg/ 100- 200ml dung môi tương hợp [1], [2], [3].	30-60 phút [1], [2], [3]	NaCl 0.9%, Dextrose 5% [1], [2], [3]	- DD được pha loãng phải sử dụng càng sớm càng tốt và không được lưu trữ để sử dụng sau. - Không được trộn lẫn amikacin với các thuốc khác, mỗi thuốc phải được sử dụng riêng. - DD sau pha loãng bảo quản được ở 2-8°C không quá 24 giờ [2].
22		Amikaver; Dung dịch tiêm							
23	Ciprofloxacin	Ciprobay 400mg; Dung dịch tiêm truyền				Có thể truyền trực tiếp hoặc đồng thời với các dd truyền tương thích khác [1], [2].	Truyền chậm 60 phút [1], [2]	NaCl 0,9%, dung dịch Ringer, Ringer lactate, glucose 5% 10%, fructose 10% [2].	Kiểm tra cảm quan trước khi sử dụng. Không được sử dụng nếu có vẩn đục [2].
24		Basmicin 400; Dung dịch tiêm truyền				Truyền trực tiếp [2].			
25	Levofloxacin 500mg, 750mg	Levogolds; Dung dịch tiêm truyền				DD có chứa levofloxacin với nồng độ 5mg/ml trong glucose 5%,	Ít nhất là 60 phút (liều 500mg),	NaCl 0,9%; dextrose 5%,...[2].	- Không dùng để tiêm bắp, tiêm vào ống sống, tiêm phúc mạc hoặc tiêm dưới da [1], [2].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
26		Goldquino 5mg/ml Injection; Dung dịch tiêm truyền				có thể dùng ngay không cần pha loãng [1] [2].	90 phút (liều 750mg) [1], [2].		- Truyền TM nhanh sẽ dẫn đến nguy cơ hạ huyết áp [1], [2]. - Không trộn chung dd truyền TM Levofloxacin với heparin hoặc các dd kiềm [2].
27		BiveloX I.V. 5mg/ ml; Dung dịch tiêm truyền							
28	Moxifloxacin 400mg/250ml	Moxifloxacin 400mg/250ml; Dung dịch tiêm truyền				Truyền trực tiếp hoặc có thể pha lẫn với dung môi [1], [2].	Trên 60 phút [1], [2], [3]	NCPT, NaCl 0,9%, Glucose 5%, 10%, 40%, Ringer Lactated [2].	- Không nên tiêm bắp, tiêm trong phúc mạc hoặc tiêm dưới da [1]. - Sau khi pha lẫn nên được sử dụng ngay [2].
29		Mikrobiel 400mg/250ml; Dung dịch tiêm truyền				Dùng trực tiếp [2], [3]			

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
30	Ofloxacin 200mg	Ofloxacin 200mg/100ml; Dung dịch tiêm truyền				Dùng tiêm truyền TM [2]	Tối thiểu 30 phút [2]		- DD thuốc nhạy cảm với ánh sáng, vì vậy sử dụng ngay sau khi lấy chai ra khỏi túi. - Trước khi dùng, cần kiểm tra cảm quan dd, dd thuốc phải trong suốt và không có tiểu phân nhìn thấy bằng mắt thường. - Thuốc chỉ dùng 1 lần, dd thuốc còn lại phải được loại bỏ. - Không trộn lẫn Ofloxacin với bất kỳ thuốc nào[2].
31	Doripenem 500 mg	Vicidori 500mg; Bột pha tiêm				Hòa tan 500mg/10ml dung môi tương hợp. Rút hỗn dịch trên chuyển vào 100ml dung môi tương hợp, lắc nhẹ cho tối khi trong suốt [1], [2].	Trong 1 giờ (Viêm phổi bệnh viện), trong 4 giờ (VK ít nhạy cảm) [1],[2]	NaCl 0,9%; Dextrose 5% [1], [2].	- Kiểm tra dd vừa pha có thấy vật lạ không và không được tiêm truyền trực tiếp dd thuốc vừa pha. - Không được trộn hoặc thêm các thuốc khác vào dd tiêm doripenem [1], [2].
32	Vancomycin 1g	Vancomycin 1g; Bột pha tiêm				Hòa tan 1g/20ml nước vô khuẩn . Pha loãng DD trên trong 200ml dung môi tương hợp [2], [3], [4].	Ít nhất trong 60 phút (liều 500mg) [2], [3], [4].	Glucose 5%, NaCl 0.9% [1], [2], [3], [4].	- DD sau khi pha loãng bảo quản tối đa 24h ở nhiệt độ 2 - 8°C [2], [3] - Tránh tiêm TM nhanh và trong khi truyền phải theo dõi chặt chẽ để phát hiện hạ huyết áp nếu xảy ra [2].
33		Vecmid 1gm; Bột pha tiêm							

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
34	Linezolid* 200mg/100ml	A.T Linezolid 200mg/100ml; Dung dịch tiêm truyền				Dùng tiêm truyền TM [1], [2].	30-120 phút [1], [2].		Không thêm các chất khác vào dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch [1], [2].
35	Meropenem 1g	Merovia; Bột pha tiêm		Hòa tan 250mg/5ml với NCPT cho dung dịch có nồng độ khoảng 50mg/ml [1], [2].	5 phút [2]	Pha với dung môi trương thích 50 – 200ml [1], [2].	15 – 30 phút [1], [2], [3]	NaCl 0,9%; Glucose 5% hoặc 10%; Glucose 5% với NaCl 0,9%; Manitol 2,5% hoặc 10% [2].	- Dung dịch sau pha trong suốt, không màu hoặc có màu vàng nhạt. - Không nên trộn lẫn trong bơm tiêm với các thuốc khác. - Độ ổn định lý hóa của dd sau khi pha là 3h ở nhiệt độ 25°C hay 16h ở nhiệt độ lạnh (2-8°C) [2].
36		Mizapenem 1g: Bột pha tiêm						NaCl 0,9%, Glucose 5% [2], [3]	
37		Meropenem; Bột pha tiêm							

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
38	Colistin*	Colisodi 1.0 MIU; thuốc tiêm đông khô		Hòa tan / 10ml NCPT. Lắc nhẹ để tránh tạo bọt [2].	Ít nhất 5 phút [2]	Hòa tan / 10ml NCPT. Lắc nhẹ để tránh tạo bọt . Pha loãng tiếp với 50ml dung dịch NaCl 0,9% [2].	Truyền chậm 30-60 phút [2].	NaCl 0,9%, dextrose 5%, ringer lactat [2].	- Trước khi dùng, kiểm tra cảm quan dung dịch thuốc tiêm, không được có tiểu phân nhìn thấy bằng mắt thường. Sau khi pha dd trong suốt, không màu đến vàng nhạt [2]. - Dung dịch tiêm truyền TM nên được dùng ngay lập tức. DD chỉ dùng một lần duy nhất và nên loại bỏ bất kỳ dung dịch dư thừa nào [2].
COLISTIN 2 MIU; thuốc tiêm đông khô		Hòa tan 1 lọ/2ml NCPT [2], [3]	Hòa tan 1 lọ với không quá 10ml NCPT hoặc NaCl 0,9% [2]		DD hoàn nguyên được pha loãng 50ml dung dịch NaCl 0,9% [2].				
39		Colirex 3 MIU; thuốc tiêm đông khô				<i>Tờ HDSD không có thông tin nên tham khảo cách pha theo DTQGVN 2022:</i>			
		Colistimetato de Sodio Altan Pharma 2 millones de UI				Hòa tan 1 lọ/5ml với dung môi tương hợp, sau đó pha loãng với 50ml (liều trong 1 lần < 4triệu đvqt) với cùng dung môi [1]		NCPT, NaCl 0,9% [2]	
40	Metronidazol 500mg/100ml	Metronidazol Kabi; Dung dịch tiêm truyền				Dùng tiêm truyền TM. [3]	5ml/phút [1], [3].	NaCl 0,9%; Glucose 5%; NaCl- Glucose [2]	- Trước khi sử dụng, quan sát bằng mắt thường xem sản phẩm có bị vẩn đục hoặc chuyển màu vàng không. Chỉ sử dụng một lần. Dung dịch còn lại không sử dụng hết phải loại bỏ [3]. - Không bảo quản lạnh để tránh kết tinh, dùng ngay sau khi mở, nếu không dùng hết phải bỏ đi [2].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
41	Tinidazol 500mg/100ml	Tinidazol Kabi; Dung dịch tiêm truyền				Dùng tiêm truyền TM [1], [2].			- Thuốc chứa 5g glucose trên liều 100ml, cần tính toán cẩn thận khi sử dụng cho bệnh nhân đái tháo đường [3]. - Thuốc chứa 39mg natri trong chai 100ml. Khối lượng này tương đương với 2% lượng natri ăn vào hằng ngày lớn nhất được khuyến cáo cho một người lớn (2g theo WHO) [3].
42	Tigecyclin* 50mg	Tigemy 50; Thuốc tiêm đông khô				Hòa tan 50mg/5,3ml với dung môi tương hợp để đạt được dung dịch tigecycline nồng độ 10mg/ml. Xoay nhẹ lọ cho đến khi thuốc tan hoàn toàn. Sau đó, rút ngay 5ml dung dịch vừa pha thêm vào túi/chai dịch truyền 100ml để truyền [1], [2].	30 – 60 phút [1], [2]	NaCl 0,9%; Glucose 5%; Lactate Ringer [1], [2]	- Dung dịch sau hoàn nguyên phải có màu từ cam đến đỏ cam, nếu không dung dịch nên được loại bỏ. Các chế phẩm thuốc tiêm nên được kiểm tra bằng mắt thường sự có mặt của các tiểu phân lạ và sự đổi màu (như sang màu xanh lá cây hoặc màu đen) trước khi dùng. - Dung dịch thuốc sau khi pha loãng phải sử dụng ngay. Chỉ sử dụng 1 lần, phần còn thừa nên được loại bỏ [2].
43	Piperacilin	Piperacillin 2g	Hòa tan 1g/2ml NCPT [2].	Hòa tan 1g/5ml NCPT [2], [3].	3-5 phút [2], [3].	Hòa tan 1g/5ml NCPT, pha loãng với dung môi tương hợp đến 50ml để truyền [2], [3].	20-40 phút [2]	NCPT, Glucose 5%; NaCl 0,9%; Ringer Lactat [2].	- Không được tiêm bắp 1 lần quá 2g (đối với người lớn) hoặc quá 0,5g đối với trẻ em [2], [3]. - Dd phải được sử dụng ngay sau khi pha. Thuốc chỉ dùng 1 lần. Dd còn thừa phải loại bỏ.

Chú thích:



: đường dùng không khuyến cáo sử dụng

NCPT: nước cất pha tiêm

TM: tĩnh mạch

DD: dung dịch

Tài liệu tham khảo

[1] Dược thư Quốc gia Việt Nam (2022).

[2] Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

[3] Hướng dẫn tiêm/truyền một số loại kháng sinh của Bộ Y tế ban hành kèm theo Quyết định 708/QĐ-BYT ngày 02 tháng 03 năm 2015.

[4] Quy trình Theo dõi nồng độ Vancomycin trong trị liệu tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau (Phụ lục 2: Hướng dẫn cách pha truyền Vancomycin).



Trần Hoán Toàn

TRƯỞNG KHOA DƯỢC

DS. CKII. VÕ MINH TRƯỜNG

BP. DLS & TTT

DS. Trần Ngọc Bảo Trân